

Số: 49/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Thỏ, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Mào Văn T, sinh năm 1974, địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan A T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, vắng mặt.

+ Anh Vàng Văn C, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản P, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

+ Chị Mào Thị T, sinh năm 1999, địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông Mào Văn T trình bày:

Ông Mào Văn T là bố đẻ của chị Mào Thị T. Chị Mào Thị T, sinh ngày 30/01/1999 và anh Vàng Văn C, sinh năm 1989, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, ngày 06/5/2015. Khi khai đăng ký kết hôn, do biết mình chưa đủ tuổi đăng ký nên chị T đã khai tăng tuổi của mình lên là sinh ngày 30/01/1997 theo thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu cũ của gia đình, hiện nay, sổ hộ khẩu cũ đó đã bị mất, gia đình ông Thường đã làm lại sổ hộ khẩu mới có ghi ngày sinh chính xác của chị Mào Thị T là ngày 30/01/1999. Do lúc đó, chị T không có giấy khai sinh, không có chứng minh nhân dân, chỉ có sổ hộ khẩu cũ của gia đình nên Ủy ban nhân dân xã B đã căn cứ vào lời khai của anh C và chị T và sổ hộ khẩu cũ của gia đình do chị T cung cấp để xác định tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh C, chị T. Việc anh C, chị T đăng ký kết hôn ngày 06/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ông Mào Văn Thường yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn C và chị Mào Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18, ngày 06/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B, người đại diện theo pháp luật là ông Phan A T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn C và chị Mào Thị T theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và đơn yêu cầu độc lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vàng Văn C trình bày: Anh C và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B đúng theo nội dung trình bày của ông Thường. Quá trình chung sống, anh C và chị T có hạnh phúc được một thời gian. Từ năm 2016 đến nay, giữa anh C, chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay, anh C và chị T đều không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau và không muốn chung sống với nhau nữa nên anh C cũng nhất trí nội dung đơn yêu cầu của ông Mào Văn T về yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T. Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là cháu Vàng Mạnh T, sinh ngày 19/02/2014. Từ khi anh C và chị T sống ly thân, cháu T sống cùng anh C. Chị T không quan tâm, hỏi thăm gì đến con. Anh C luôn yêu thương, quan tâm chăm sóc cháu T và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh C có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Toàn. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Giữa anh C và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Mào Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì, không có yêu cầu gì. Tại phiên họp, chị Mào Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và tại gia đình của chị T, xác định được ngày sinh chính xác của chị T là ngày 30/01/1999. Tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 06/5/2015, chị T mới được 16 tuổi 03 tháng 06 ngày. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, để xác định tuổi của chị T thì Ủy ban nhân dân xã B chỉ căn cứ vào lời khai của chị T và sổ hộ khẩu cũ của gia đình chị T để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu anh C, chị T xuất trình các giấy tờ tùy thân hoặc xác minh làm rõ ngày, tháng, năm sinh của chị T nên đã dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho anh C và chị T vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B và anh Vàng Văn C thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Mào Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, các Điều: 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của ông Mào Văn T, ra quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn C và chị Mào Thị T; chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của anh Vàng Văn C, giao cháu Vàng Mạnh Toàn, sinh ngày 19/02/2014 cho anh Vàng Văn C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Toàn trưởng thành, đủ 18 tuổi. Áp dụng Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các đương sự thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều

29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 238, 361, 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung việc dân sự:

[2.1] Anh Vàng Văn C, sinh năm 1989 và chị Mào Thị T, sinh ngày 30/01/1999 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, ngày 06/5/2015. Khi đăng ký kết hôn, chị T mới được 16 tuổi, 03 tháng, 06 ngày. Việc anh C, chị T đăng ký kết hôn ngày 06/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình là nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Anh C và chị T hiện nay không còn tình cảm với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, không ai có nguyện vọng được tiếp tục cuộc sống vợ chồng, duy trì hôn nhân, xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu của ông Mào Văn Thường về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn C và chị Mào Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18, ngày 06/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vàng Văn C: Anh C và chị T có 01 con chung là cháu Vàng Mạnh Toàn, sinh ngày 19/02/2014. Theo lời khai của anh C và ông Thường thì từ khi anh C và chị T sống ly thân, cháu Toàn sống cùng anh C. Anh C luôn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cháu Toàn và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh C có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Tòa án xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và tạo điều kiện cho sự phát triển tốt nhất của trẻ thì cần giao cháu Vàng Mạnh Toàn cho anh Vàng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Toàn đủ 18 tuổi. Vì vậy, yêu cầu được nuôi con của anh C là có căn cứ, cần được chấp nhận. Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh C là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Về tài sản: Anh Vàng Văn C, chị Mào Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông

Mào Văn Thường là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình anh Vàng Văn C thuộc hộ nghèo nên đều thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8, các Điều: 11, 12, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 369, các Điều 149, 238, 361, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Mào Văn T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn C và chị Mào Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18, ngày 06/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vàng Văn C: Giao cháu Vàng Mạnh T, sinh ngày 19/02/2014 cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Vàng Văn C không yêu cầu chị Mào Thị T cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí Tòa án: Ông Mào Văn T và anh Vàng Văn C được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QL, NVLQ;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đỗ Thị Hạnh

